

Số: 183 /2015/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 12 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**

Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển	
SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM	
từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	
giai đoạn 2016 - 2020	
<b>ĐẾN</b>	Số: 555
	Ngày: 3.0.12.2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5532/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 87/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2016 – 2020, như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng vốn ngân sách nhà nước; đồng thời, làm căn cứ để thực hiện quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của các cấp.

## 2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia hoặc liên quan theo quy định của nhà nước trong lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

### **Điều 2.** Nguyên tắc chung

Căn cứ tổng mức vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung được Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn cho các công trình dự án, giao cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh làm chủ đầu tư và tổng mức đối với huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện). Việc phân bổ nguồn vốn được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước.
2. Các công trình, dự án phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thuộc danh mục đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt; có đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng.
3. Ưu tiên bố trí vốn đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các chương trình, dự án, công trình trọng điểm, các công trình cấp thiết đang đầu tư dở dang; đảm bảo vốn đối ứng cho các dự án ODA, dự án hợp tác công tư (PPP); thanh toán các khoản nợ khối lượng hoàn thành và thu hồi vốn ứng trước; không quyết định đầu tư và bố trí vốn cho các dự án khi chưa xác định rõ cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả đầu tư.
4. Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong cân đối của các huyện.

1. Nguyên tắc xác định các tiêu chí và định mức.
  - a) Các tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung được xây dựng năm 2016, là cơ sở ổn định trong giai đoạn từ năm 2016 – 2020.
  - b) Bảo đảm cân đối hợp lý trong việc đầu tư phát triển trung tâm tỉnh lý, thành phố, thị xã, vùng đồng bằng ven biển với tập trung hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, ổn định xã hội.

c) Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

d) Mức vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung của các huyện năm 2016 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2016 - 2020) tối thiểu bằng với mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước được giao trong kế hoạch 2015 theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Các huyện có số điểm liền kề nhau đảm bảo không chênh lệch nhau quá 02 lần, đồng thời, địa phương có số điểm lớn nhất so với địa phương có số điểm nhỏ nhất, chênh lệch nhau không quá 03 lần.

f) Cơ cấu điểm giữa các nhóm tiêu chí chính (trừ tiêu chí bổ sung) phải đảm bảo cân đối hợp lý, không chênh lệch nhau quá lớn.

## 2. Các tiêu chí phân bổ vốn

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất) cho các huyện, gồm 05 nhóm sau:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Dân số trung bình và số người là dân tộc thiểu số của các huyện.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo và thu phát sinh kinh tế (không bao gồm khoản thu cấp quyền sử dụng đất).

c) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên của các huyện.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính gồm: Số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); số xã miền núi (khu vực I, II, III), xã Chương trình 257, xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến, xã đảo và xã biên giới đất liền.

e) Tiêu chí bổ sung, bao gồm: Tiêu chí thành phố tỉnh lỵ, thành phố, thị xã.

## 3. Căn cứ xác định số liệu các tiêu chí

a) Về dân số trung bình, dân tộc thiểu số, diện tích, đơn vị hành chính: Theo số liệu niên giám thống kê năm 2014 và điều tra của Ban Dân tộc tỉnh.

b) Số xã miền núi (khu vực I, II, III): Theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và Chương trình 135.

c) Xã 257: Theo Quyết định 257/2003/QĐ-TTg ngày 03/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

d) Số xã ATK: Theo Quyết định số 229/1999/QĐ-TTg ngày 16/12/1999 của

Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý bảo vệ các vùng an toàn.

e) Xã biên giới: Các xã có chung đường biên giới quốc gia với nước bạn Lào.

f) Tỷ lệ hộ nghèo: Theo Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Quảng Nam năm 2014.

g) Thu nội địa: Theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 (Riêng nguồn thu nội địa huyện Phước Sơn năm 2015 và dự kiến 2016 hực thu, vì vậy lấy theo nguồn thu thực tế năm 2015 để tính toán).

#### 4. Xác định số điểm của từng tiêu chí

##### a) Điểm tiêu chí dân số

Điểm dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Dưới 50.000 người	1,0
Cứ tăng thêm 10.000 người được cộng thêm	0,3

Điểm về dân tộc thiểu số

Số dân tộc thiểu số	Điểm
Dưới 500 người	0,0
Từ 500 đến 1.000 người	0,1
Cứ tăng thêm 1.000 người cộng thêm	0,025

##### b) Điểm tiêu chí trình độ phát triển

Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Dưới 10%	0,5
Từ 10% trở lên, cứ tăng 05% số điểm cộng thêm	0,15

Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm nguồn thu từ sử dụng đất)

Số thu	Điểm
Dưới 100 tỷ đồng	0,50
Từ 100 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng được cộng thêm	0,10
Từ 500 tỷ đồng trở lên, cứ 50 tỷ đồng được cộng thêm	0,20

c) Điểm tiêu chí diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên	Điểm
Đến 300 km <sup>2</sup>	2,0
Từ 300 đến 500 km <sup>2</sup> , cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được cộng thêm	0,20
Từ 500 đến 1.000 km <sup>2</sup> , cứ 100 km <sup>2</sup> được cộng thêm	0,10
Trên 1.000 km <sup>2</sup> cứ 100 km <sup>2</sup> cộng thêm	0,05

d) Điểm tiêu chí đơn vị hành chính

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn	0,15

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi, 257, xã ATK (thuộc vùng căn cứ kháng chiến)

Xã miền núi, xã chương trình 257, xã ATK	Điểm
Mỗi xã	0,025

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền, xã đảo

Xã biên giới đất liền, xã đảo	Điểm
Mỗi xã	0,05

Điểm tiêu chí bổ sung: Đối với thành phố tỉnh lỵ, thành phố, thị xã

Đặc thù	Điểm
Thành phố tỉnh lỵ	3,0
Thành phố	2,0
Thị xã	1,0

5. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối

a) Xác định số điểm của các huyện.

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính toán tổng cộng số điểm của từng huyện. Tổng số điểm của 18 huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư theo các công thức sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số

- Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của huyện thứ  $i$  là  $A_i$ .

- Gọi số điểm của dân số của địa phương thứ  $i$  là  $h_i$ .

- Gọi số điểm của số dân là người dân tộc thiểu số của huyện thứ  $i$  là  $k_i$ .

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ  $i$  là:  $A_i = h_i + k_i$ .

(2) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển

- Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ  $i$  là  $B_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của huyện thứ  $i$  là  $l_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm khoản thu tiền đất) của huyện thứ  $i$  là  $m_i$ .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ  $i$  là:  $B_i = l_i + m_i$

(3) Điểm của tiêu chí diện tích

Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ  $i$  là  $C_i$ .

(4) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  là  $p_i$

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi (khu vực I, II, III) xã bãi ngang ven biển, của địa phương thứ  $i$  là  $q_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền, xã đảo của địa phương thứ  $i$  là  $z_i$

Tổng số điểm tiêu chí đơn vị hành chính của địa phương thứ  $i$  là  $D_i$ :

$$D_i = p_i + q_i + z_i$$

Điểm của địa phương có tiêu chí bổ sung là  $E_i$ .

Gọi tổng số điểm của địa phương thứ  $i$  là  $X_i$ ,

$$\text{ta có: } X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$$

Gọi tổng số điểm của 18 huyện là  $Y$ , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{18} X_i$$

b) Số vốn đầu tư phát triển định mức cho 1 điểm

Số vốn đầu tư phát triển định mức cho 1 điểm được tính theo công thức sau:

Gọi  $K$  là tổng số nguồn vốn đầu tư phát triển được phân bổ trong dự toán ngân sách các huyện (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất).

$Z$  là số vốn đầu tư phát triển định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng vốn đầu tư phát triển được phân bổ trong dự toán ngân sách các huyện.

Tổng số vốn đầu tư phát triển của từng địa phương được tính theo công thức sau:

$$\text{Gọi } U_i \text{ là số vốn trong cân đối: } U_i = Z \times X_i$$

## 5. Điều chỉnh bất hợp lý

Sau khi áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức trên để tính toán tổng số điểm, đối với các huyện có tổng số điểm nhỏ hơn 08 điểm thì được cân đối điều chỉnh tối thiểu bằng 08 điểm.

**Điều 4.** Phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung từ ngân sách nhà nước đối với cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh:

Cân đối bố trí vốn theo từng công trình, dự án. Mức bố trí theo tỷ lệ tổng giá trị khối lượng nợ đọng xây dựng cơ bản của từng ngành và các mục tiêu do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi đã hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục theo quy định; trong đó, tập trung cân đối bố trí vốn cho các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đã phê duyệt quyết toán và các công trình chuyên tiếp cần phải đẩy nhanh tiến độ thi công, để phát huy hiệu quả.

**Điều 5.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế phân cấp nguồn thu giai đoạn 2017-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho phù hợp với cơ chế phân cấp nguồn thu.

2. Vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết này để làm cơ sở phân bổ nguồn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách tỉnh.

**Điều 6.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua./.

### Nơi nhận:

- VP: QH, CP, CTN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo QN, Đài PT-TH, TTXVN tại Quảng Nam;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, CVKT(Phiên).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Quang